

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 40/2024/HS-ST  
Ngày 23-4-2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Xuân Tĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lành Văn Khánh;
- Ông Đào Xuân Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

**Trần Thị H**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1982 tại huyện A, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường C, thành phố D, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng C và bà Đặng Thị L (đã chết); chồng là Lương Văn H, sinh năm 1977 (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02-01-2024 đến ngày 05-02-2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn, bắt tạm giam từ ngày 05-02-2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lạng Sơn; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Lương Hoàng S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số E, ngõ F đường G, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Trần Công N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ I, phường C, thành phố D, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Ông Lương Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Số E, ngõ F đường G, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Lương Hoàng S, có địa chỉ tại số E, ngõ F đường G, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn làm nghề kinh doanh đôi tiền, trong đó có hình thức nhận tiền mặt và chuyển tiền vào tài khoản cho khách, mỗi lần chuyển khoản như vậy đều ghi chép lại tên, số tài khoản của khách. Trong năm 2018-2019, ông Trần Công N, sinh năm 1982, trú tại Tổ I, phường C, thành phố D, tỉnh Thái Nguyên được mượn tài khoản số 8509205025218 của bị cáo Trần Thị H, sinh năm 1982, trú tại Tổ B, phường C, thành phố D, tỉnh Thái Nguyên mở tại ngân hàng Agribank để cho bà Trần Công N, sinh năm 1964, trú tại Tổ dân phố 3, thị trấn N, huyện L, tỉnh Cao Bằng chuyển khoản trả tiền mua trâu thì được bị cáo Trần Thị H đồng ý. Sau đó bà Trần Công N nhờ ông Lương Hoàng S chuyển khoản trả tiền cho ông Trần Công N qua số tài khoản trên của bị cáo Trần Thị H, ghi nội dung chuyển tiền là “ngoc ct”, sau khi chuyển khoản ông Lương Hoàng S ghi chép lại tên, số tài khoản của bị cáo Trần Thị H; sau khi nhận được tiền bị cáo Trần Thị H đã rút và đưa toàn bộ số tiền lại cho Trần Công N; ngoài lần nhờ chuyển tiền này ông Trần Công N không mượn số tài khoản của bị cáo Trần Thị H để nhận tiền lần nào nữa.

Vào ngày 30-10-2019, bà Trần Công N gửi số tài khoản của bà Trần Thị H (sinh năm 1973, trú tại xóm M, xã Z, thành phố Thái Nguyên) và nhờ gia đình ông Lương Hoàng S chuyển 153.000.000 đồng cho bà Trần Thị H (sinh năm 1973 này), ông Lương Hoàng S ghi chép tên và số tài khoản vào sổ rồi sử dụng phần mềm điện tử trên điện thoại di động đăng nhập vào số tài khoản 19033540132018 của ông Lương Hoàng S mở tại ngân hàng Techcombank để chuyển khoản, quá trình thao tác, ông Lương Hoàng S đã chuyển khoản nhằm 153.000.000 đồng, nội dung “ngoc ct” đến số tài khoản 8509205025218 của bị cáo Trần Thị H. Thấy có tiền chuyển vào tài khoản, nhưng không thấy ai hỏi gì, chiều cùng ngày 30-10-2019, bị cáo Trần Thị H đã tự rút toàn bộ số tiền trên và chi tiêu cá nhân.

Đối với bà Trần Thị H (sinh năm 1973) thấy không nhận được tiền nên báo lại cho gia đình ông Lương Hoàng S biết, sau đó ông Lương Hoàng S nhờ ngân hàng kiểm tra thì biết đã chuyển nhằm 153.000.000 đồng trên đến tài khoản của bị cáo Trần Thị H; ngày 31-10-2019, ông Lương Hoàng S cùng bố đẻ là ông Lương Văn D và ông Nguyễn Việt B, sinh năm 1966, trú tại tổ O, phường X, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến phường C, thành phố D, tỉnh Thái Nguyên tìm gặp bị cáo Trần Thị H và thông báo ngày 30-10-2019 ông đã chuyển nhằm 153.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Trần Thị H và yêu cầu trả lại, dù bị cáo Trần Thị H đã rút toàn bộ số tiền và chi tiêu cá nhân nhưng bị cáo Trần Thị H không thừa nhận mà hẹn ông Lương Hoàng S ngày hôm sau

cùng ra ngân hàng kiểm tra xem có số tiền trên gửi đến tài khoản của bị cáo không. Ngày 01-11-2019, ông Lương Hoàng S, ông Lương Văn D, ông Nguyễn Việt B tiếp tục đến gặp bị cáo Trần Thị H, lúc này bị cáo mới nói có nhận được số tiền 153.000.000 đồng nhưng là tiền của ông Trần Công N mượn số tài khoản của bị cáo để chuyển nên không trả lại, phía ông Lương Hoàng S đi về. Còn bị cáo Trần Thị H đã biết số tiền 153.000.000 đồng trên là do ông Lương Hoàng S chuyển nhầm vào tài khoản của mình, nhưng do nẩy sinh lòng tham nên đã chiếm giữ và sử dụng vào mục đích cá nhân không trả lại cho ông Lương Hoàng S. Sau đó, bị cáo Trần Thị H thường xuyên không có mặt địa phương, Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại địa phương và không đến để làm việc.

Đến ngày 02-01-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trần Thị H từ ngày 02-01-2024. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra triệu tập bị cáo Trần Thị H nhiều lần nhưng không được, đã thay đổi biện pháp ngăn chặn và ngày 05-02-2024 Cơ quan điều tra đã bắt tạm giam bị cáo, quá trình bắt giam có thu giữ của bị cáo Trần Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, lắp kèm sim số 0983.989.755.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị H khai nhận toàn bộ hành vi chiếm giữ số tiền của ông Lương Hoàng S như nội dung nêu trên và cùng gia đình trả lại toàn bộ 153.000.000 đồng cho bị hại ông Lương Hoàng S, bị hại không đề nghị yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS, ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố để xét xử bị cáo Trần Thị H về tội Chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Trần Công N không biết ngày 30-10-2019 ông Lương Hoàng S đã chuyển 153.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo Trần Thị H mà trước đó ông đã mượn số tài khoản; việc nhận và rút lấy tiền và chi tiêu của bị cáo Trần Thị H ông không biết, không được bàn bạc nên không có liên quan.

Đối với người làm chứng là ông Lương Văn D, Nguyễn Việt B đều trình bày và xác định việc ông Lương Hoàng S chuyển nhầm tiền cho bị cáo và làm chứng xác định bị cáo Trần Thị H đã nhận và rút số tiền 153.000.000 đồng như nội dung sự việc nêu trên.

Về vật chứng của vụ án hiện tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, lắp kèm sim số 0983.989.755 của bị cáo Trần Thị H, hiện đang gửi giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn để xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Cơ quan Điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu luận tội: Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Thị H phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự, nên giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng và nhận định bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm giữ đã trả lại đủ cho bị hại. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường trả lại đủ số tiền chiếm đoạt và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 4 đến 7 tháng tù. Về vật chứng đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại iphone 14 Promax, lắp kèm sim số 0983.989.755 do không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo an tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ, đầy đủ. Bị cáo, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai bị hại ông Lương Hoàng S, người làm chứng ông Lương Văn D, Nguyễn Việt B, ông Trần Công N cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có cơ sở để xác định, vào ngày 30-10-2019, bà Trần Công N nhờ ông Lương Hoàng S chuyển khoản 153.000.000 đồng để trả cho bà Trần Thị H, sinh năm 1973, trú tại xóm M, xã Z, thành phố Thái Nguyên; do trước đó ông Lương Hoàng S có chuyển khoản một lần tiền của bà Trần Công N qua tài khoản của bị cáo Trần Thị H để trả cho ông Trần Công N thanh toán tiền mua trâu, nên khi ông Lương Hoàng S sử dụng phần mềm điện tử trên điện thoại, quá trình thao tác ông Lương Hoàng S đã chuyển khoản nhầm vào số tài khoản 8509205025218 của bị cáo Trần Thị H số tiền trên. Thấy có tiền chuyển vào tài khoản, dù không phải của mình nhưng do lòng tham, chiều ngày 30-10-2019 bị

cáo đã rút toàn bộ số tiền trên, khi ông Lương Hoàng S yêu cầu bị cáo trả lại tiền, nhưng không trả mà chiếm giữ để chi tiêu cá nhân. Do vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản với số tiền 153.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự, cụ thể: "Người nào cố tình không trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp ... tài sản có trị giá từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng..." thì phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản, nên Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm giữ tiền không phải của mình là vi phạm nhưng do lòng tham đã chiếm giữ không trả cho chủ sở hữu dẫn đến phạm tội.

[4] Để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân đã ly hôn với chồng là anh Lương Văn H, trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và chưa vi phạm pháp luật gì nên xác định bị cáo Trần Thị H có nhân thân tốt.

[5] Từ những nhận định, đánh giá trên, cần áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình, sau này trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội và không vi phạm pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc điện thoại iphone 14 Promax, lắp kèm sim số 0983.989.755, thuộc quyền sở hữu của bị cáo, do không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Trần Thị H là có căn cứ.

[7] Đối với ông Trần Công N, căn cứ lời khai của bị cáo Trần Thị H, của bị hại ông Lương Hoàng S thấy ông Trần Công N không biết, không được bàn bạc, hay hưởng lợi số tiền bị cáo chiếm đoạt nên không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí; quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn về tội danh, hình phạt và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Chiếm giữ trái phép tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị H 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05-02-2024.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Thị H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, lắp kèm sim số 0983.989.755.

(Vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01-4-2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Công an Tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn (01 bản);
- Cơ quan THAHS Công an Tp Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THA dân sự thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo Trần Thị H;
- Bị hại ông Lương Hoàng S;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Xuân Tỉnh**